

Bản án số:12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12/8/2021

“V/v: Hôn nhân và Gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đo Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:84/2021/TLST- HNGĐ, ngày 30/6/2021 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu G 1, xã TC, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu G 1, xã TC, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Ông **Bùi Đức Dũng** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, cử có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Ông **Lã Thành Công** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, cử có mặt.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chị Hà Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị cùng anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện TS, tỉnh PT. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn xây dựng gia đình. Đến tháng 3 năm 2021 chị cùng anh Đ chính thức ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Hoàng Thị Phương Th, sinh ngày 11/5/2012 và Hoàng Thị Thùy Tr, sinh ngày 21/4/2018. Khi

ly hôn chị nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Thùy TR anh Đ nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Phương TH, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/7/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày: Theo như trình bày của chị D ở trên là đúng, nay chị D xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị D cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Hoàng Thị Phương TH, sinh ngày 11/5/2012 và Hoàng Thị Thùy TR, sinh ngày 21/4/2018. Có sự ly hôn anh đồng ý với quan điểm chị D anh sẽ nuôi cháu TH, cháu TR hiện ở cùng chị D để chị D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đồng ý với quan điểm chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh đề nghị chia tài sản chung theo quy định.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn:

Về hôn nhân: Việc chị D; anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên chị D có đơn xin ly hôn anh Đ. Thấy rằng chị D; anh Đ là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị D được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị D; anh Đ có hai con chung Hoàng Thị Phương TH, sinh ngày 11/5/2012 và Hoàng Thị Thùy TR, sinh ngày 21/4/2018. Hiện cháu TR còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên giao cháu Hà Thị Thùy TR chị D nuôi dưỡng. Cháu TH xin được ở cùng với Bố nên giao cháu Hoàng Thị Phương TH cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản; công nợ và công sức: Đồng ý quan điểm chị D không đặt ra giải quyết.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn:

Về hôn nhân: Anh Đ; chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên chị D có đơn xin ly hôn anh Đ. Việc ly hôn hay không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn. Giao cháu Hà Thị Thùy TR chị D nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Thị Phương TH cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản; công nợ và công sức: Quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh yêu cầu chia tài sản chung là không thể xem xét tại phiên tòa hôm nay, anh Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ việc dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị D có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2008 chị D; anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D; anh Đ được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn xây dựng gia đình. Đến tháng 3 năm 2021 chị D đã bỏ nhà chồng về nhà Bố; Mẹ để chị sinh sống đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D; anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn Đ là phù hợp.

[3] **Về nuôi dưỡng con chung:** Chị D; anh Đ có hai con chung Hoàng Thị Phương TH, sinh ngày 11/5/2012 và Hoàng Thị Thùy TR, sinh ngày 21/4/2018. Xét việc nuôi con chung, hiện cháu TR còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên giao cháu Hà Thị Thùy TR chị D nuôi dưỡng và nguyện vọng của TH xin được ở cùng với Bố nên giao cháu Hoàng Thị Phương TH cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị D; anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về tài sản chung; công nợ và công sức:** Tại phiên tòa phát sinh việc anh Đ yêu cầu chia tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét, mà các bên đương sự có quyền khởi kiện tại một việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] **Về án phí:** Chị D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. **Về con chung:** Giao cho chị Hà Thị D nuôi dưỡng cháu Hà Thị Thùy TR sinh ngày 21/4/2018 và giao cho anh Hoàng Văn Đ nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị

Phương TH sinh ngày 11/5/2018 kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi hai cháu thành niên, lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; công nợ và công sức: Qua trình giải quyết vụ án chị D; anh Đ không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa anh Đ yêu cầu chia tài sản chung thì các bên quyền khởi kiện tại một việc dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0003149 ngày 29/6/2021.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TC, huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí